

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2018/DS-ST
Ngày: 04-10-2018
V/v “tranh chấp hợp đồng
vay tài sản và góp hụi”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Hùng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đào Chiến

Ông Nguyễn Văn Vân

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Lê Xuân Hồng Vinh– Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 103/2018/TLST-DS ngày 14 tháng 5 năm 2018 về “Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản và góp hụi” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 59/2018/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: chị **Trần Mộng H**, sinh năm 1972; Địa chỉ: tổ 16, ấp Thanh A, xã AB, huyện CT, tỉnh TN.(có mặt)

Bị đơn: chị **Nguyễn Thị Diệu L** - sinh năm 1979

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: anh **Nguyễn Lương Quốc V**, sinh năm 1978.(chồng chị L)

Cùng địa chỉ: tổ 15, ấp Thanh A, xã AB, huyện CT, tỉnh TN.(chị L và anh V vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 10 tháng 5 năm 2018 cũng như trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị Trần Mộng H trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết vì nhà của chị H và chị L ở cùng ấp với nhau nên ngày 19-6-2017 AL (tháng 6 sau vì nhuận tháng 6) chị H có cho chị L vay số tiền 90.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận miệng lãi suất 1.000.000 đồng/ tháng của số tiền 90.000.000 đồng nhưng không ghi trong giấy nợ chị L viết cho chị H. Sau khi vay, chị L đóng lãi cho chị H được 01 tháng (19-7-2017) với số tiền 1.000.000 đồng, sau đó kể từ tháng 08-2017 cho đến nay chị L không đóng lãi cũng không trả nợ gốc cho chị H. Nay chị H khởi kiện yêu cầu vợ chồng chị L có nghĩa vụ trả cho chị H số tiền nợ gốc là 90.000.000 đồng.

Ngoài ra, chị L còn tham gia chơi 02 dây hụi do chị H làm chủ thảo: Dây hụi khai ngày 15-9-2016AL, hụi 2.000.000 đồng/tháng, gồm 25 phần, chị L tham gia 02 phần. Do chị L cần tiền nên hốt cả 02 phần trong ngày với giá mỗi phần kêu mỗi phần là 520.000 đồng nên chị H phải đăng cả 02 phần vào ngày 15-9-2016AL. Sau khi trừ hoa hồng 1.000.000 đồng/ phần thì chị L phải đóng hụi chết như sau: hụi kêu 520.000 đồng nên đóng 1.480.000 đồng x 25 phần là 37.000.000 đồng, trừ hoa hồng 1.000.000 đồng còn lại 36.000.000 đồng. Chị L tham gia chơi 02 phần nên số tiền chị L hốt là 72.000.000 đồng. Sau khi hốt chị L đóng hụi chết đến ngày 15-8-2017 được 11 lần sau đó không đóng nữa. Hiện nay còn lại 14 lần chị L chưa đóng với số tiền là 14 lần x 2.000.000 đồng là 56.000.000 đồng. Hụi này mãn vào tháng 10-2018 AL, nhưng chị L vi phạm nghĩa vụ nên chị H yêu cầu thanh toán hết số tiền trên.

Dây hụi tuần khai ngày 15-6-2017 AL(tháng 6 sau, do nhuận tháng 6), mỗi tuần 100.000 đồng, hụi gồm 24 phần, chị L chơi 02 phần. Do cần tiền nên chị L hốt cả 02 phần với giá kêu 25.000 đồng, hốt được 75.000 đồng x 24 phần là 1.800.000 đồng, trừ hoa hồng 50.000 đồng, còn lại 1.750.000 đồng. chị L chơi 02 phần nên hốt được 3.500.000 đồng. Sau khi hốt chị L đóng được 10 lần hụi chết với số tiền 2.000.000 đồng (10 lần x 100.000 đồng x 2 phần). Hụi chết còn lại chị L phải đóng cho chị H là 14 lần x 100.000 đồng x 02 phần là 2.800.000 đồng, hụi này đã mãn vào ngày 05-12-2017 AL.

Nay chị H yêu cầu vợ chồng chị L trả nợ như sau: Nợ vay gốc là 90.000.000 đồng; nợ hui tháng 02 đây hui chết là 56.000.000 đồng + 02 đây hui tuần là 2.800.000 đồng, tổng cộng nợ hui là 58.800.000 đồng. tổng cộng nợ vay và hui là 148.800.000 đồng.

Trong đơn khởi kiện và bản tự khai thì chị H yêu cầu vợ chồng chị L phải chịu lãi suất đối với số tiền vay nhưng nay chị đồng ý không yêu cầu vợ chồng chị L phải chịu lãi suất với số tiền này cho đến ngày xét xử.

Mặc dù chị L là người trực tiếp vay tiền và chơi hui với chị H, nhưng chị L vay tiền và hót hui về lo cho gia đình nên chị H yêu cầu chồng chị L là anh V cùng có nghĩa vụ trả nợ cho chị L.

Bị đơn là chị Nguyễn Thị Diệu L trình bày tại bản khai ngày 04-6-2018 và Biên bản lấy lời khai ngày 07-8-2018 như sau:

Chị L vay tiền và chơi hui với chị H đã nhiều năm, do buôn bán lỗ cần tiền để trả nợ và cần tiền để trị bệnh nên chị L có vay tiền của chị H nhiều lần. Lần đầu vay 30.000.000 đồng, chị L không nhớ ngày tháng nhưng có ghi vào sổ nợ cho chị H, hai bên thỏa thuận miệng lãi suất là 8%/tháng; lần 2, chị L vay thêm 20.000.000 đồng, lãi suất cũng 8%/tháng, tổng cộng là 50.000.000 đồng. Sau khi vay không có khả năng trả nên chị H kêu chơi hui để hót trừ nợ, hót 02 phần hui được 72.000.000 đồng nhưng chị H khấu trừ vào tiền nợ vay, chị L không có nhận tiền. Sau khi khấu trừ nợ thì chị L vẫn còn nợ chị H khoảng hơn 20.000.000 đồng (chị L không nhớ số tiền cụ thể) và viết giấy nợ cho chị H.

- 02 phần hui tuần hót được 3.500.000 đồng cũng để trừ nợ. Chị L chỉ chơi hui và đóng hui, sau đó chị H hót để trừ nợ. Các giấy nợ và giấy hui là do chị L viết cho chị H, sau khi chót nợ thì chị L còn nợ chị H 90.000.000 đồng tiền vay và 58.800.000 đồng tiền hui, hai bên thỏa thuận lãi suất tiền vay là 1%/tháng. Trong số tiền 90.000.000 đồng nợ vay này là có lãi nhập vào gốc, chứ số tiền vay ban đầu không phải 90.000.000 đồng nhưng chị L không có chứng cứ gì để chứng minh. Tất cả giấy nợ và giấy hui chị L viết cho chị H và chị H giữ, chị L không cung cấp, giao nộp chứng cứ gì cho Tòa án.

Nay chị H yêu cầu trả chị L trả số tiền vay là 90.000.000 đồng và 58.800.000 đồng tiền hui chết thì chị L đồng ý. Nhưng do hoàn cảnh khó khăn nên Chị L xin chị H trả dần và xin không phải tiếp tục chịu lãi suất.

Việc vay tiền và chơi hui với chị H là do một mình chị L trực tiếp vay và chơi hui, chồng chị L không biết. Sau khi bế nợ ra thì vợ chồng chị L gây gổ với nhau và chồng chị L đã bỏ nhà đi, hiện nay chồng chị L làm gì, ở đâu chị L cũng không biết. Chị L không yêu cầu chồng chị cùng trả nợ cho chị H.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh **Nguyễn Lương Quốc V** (chồng chị L) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do nên không có lời trình bày trong hồ sơ.*

Ý kiến Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:

Về thủ tục: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Các đương sự tham gia tố tụng trong vụ án đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc vợ chồng chị L, anh V có nghĩa vụ trả cho chị Trần Mộng H số tiền nợ vay và hội đồng cộng là 148.800.000 (Một trăm bốn mươi tám triệu) đồng.

Ghi nhận chị H không yêu cầu chị L, anh V thanh toán tiền lãi suất cho đến ngày xét xử vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, ý kiến của Viện kiểm sát và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của chị Trần Mộng H thì vụ án có quan hệ pháp luật là tranh chấp về hợp đồng vay tài sản và góp hội được quy định tại Khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh theo quy định tại Khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án; giấy triệu tập đương sự; thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập tham gia phiên tòa và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Lương Quốc V **vắng mặt và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt**. Đối với chị L được Tòa án tổng đạt hợp lệ, nhưng tại phiên tòa vắng mặt lần thứ 2 không có lý do nên căn cứ Điểm b Khoản 2 Điều 227 và Khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị L và anh V theo quy định.

[3] Về nội dung vụ án: Nguyên đơn cung cấp cho Tòa án 01 giấy hốt hội ngày 15-9-2016 AL do chị L viết cho chị H, 02 giấy theo dõi hội và 01 giấy mượn tiền ngày 19-6-2017 AL do chị L viết cho chị H với nội dung yêu cầu vợ chồng chị

L trả cho chị H số tiền vay là 90.000.000 đồng và tiền nợ hui là 58.800.000 đồng. Chị L thừa nhận giấy hót hui và giấy mượn tiền là do chính chị L ghi cho chị H.

Trong quá trình giải quyết vụ án chị L cho rằng trong số tiền vay 90.000.000 đồng là do chị H tính lãi suất cao, sau đó lãi suất nhập vào số tiền nợ gốc và tính lãi tiếp. Số tiền hui tháng, hui tuần là do chị H tự hót để trừ nợ và sau đó chị H yêu cầu chị L ghi giấy nợ và dùng giấy hui này để đi khởi kiện nhưng chị L không có chứng cứ gì để chứng minh nên không yêu cầu Tòa án xem xét và tính lãi lại. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị L đồng ý còn nợ chị H số tiền vay là 90.000.000 đồng, tiền hui là 58.800.000 đồng, tổng cộng là 148.800.000 đồng như chị H yêu cầu nhưng xin được trả dần.

Xét thấy quan hệ vay tiền và góp hui giữa chị H và chị L là giao dịch dân sự, cả hai bên đều hiểu rõ quyền và nghĩa vụ của mình khi tham gia giao dịch với nhau được quy định tại các Điều 463, Điều 466 và Điều 471 Bộ luật dân sự 2015. Các khoản nợ vay đã quá thời hạn thỏa thuận và nợ hui chết đến nay cũng đã đến hạn thanh toán, nay chị H yêu cầu chị L trả số tiền nợ vay và nợ hui trên, chị L đồng ý trả cho chị H như yêu cầu, việc thỏa thuận này là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định tại Điều 205 của Bộ luật tố tụng dân sự nên ghi nhận. Tuy nhiên, chị L không yêu cầu chồng là anh V cùng trả nợ cho chị H như chị H yêu cầu.

Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo cho anh V biết về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cùng với các tài liệu chứng cứ chứng minh nhưng anh V vắng mặt không có lý do và không có ý kiến cũng như không phản đối những tình tiết, tài liệu, chứng cứ của nguyên đơn. Theo quy định tại Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật Tố tụng Dân sự thì anh V đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình. Xét thấy, Chị L và anh V là vợ chồng, chị L vay tiền và chơi hui để lo cho gia đình, trả nợ và trị bệnh, đây là các nhu cầu thiết yếu của gia đình. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ và các Điều 27, Điều 30 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, buộc anh V có trách nhiệm liên với chị L trả nợ cho chị H là hoàn toàn phù hợp.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Diệu L và anh Nguyễn Lương Quốc V là người có nghĩa vụ trả nợ nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền nợ phải trả là $148.800.000 \text{ đồng} \times 5\% = 7.440.000 \text{ đồng}$ theo quy định tại **Điều 26 của Nghị** quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí toà án.

Chị Trần Mộng H không phải chịu tiền án phí, hoàn trả cho chị H tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.720.000 đồng theo số biên lai 0019170, ngày 14-5-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành.

Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 07/2018/QĐ-ADBPCKTT ngày 10 tháng 9 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điểm b Khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 463, 466 và Điều 471 Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Mộng H về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và góp hụi” với chị Nguyễn Thị Diệu L và anh Nguyễn Lương Quốc V.

Buộc vợ chồng chị Nguyễn Thị Diệu L, anh Nguyễn Lương Quốc V có nghĩa vụ liên đới trả cho chị Trần Mộng H số tiền nợ tổng cộng là 148.800.000 (Một trăm bốn mươi tám triệu, tám trăm nghìn) đồng. Trong đó, nợ vay là 90.000.000 đồng và nợ hụi là 58.800.000 đồng.

Ghi nhận chị H không yêu cầu vợ chồng chị L, anh V phải chịu lãi suất cho đến ngày xét xử sơ thẩm.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng

tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 07/2018/QĐ-ADBPCTT ngày 10 tháng 9 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

2. Về án phí: vợ chồng chị Nguyễn Thị Diệu L và anh Nguyễn Lương Quốc V phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 7.440.000 (Bảy triệu bốn trăm bốn mươi nghìn) đồng.

Chị Trần Mộng H được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.720.000 (Ba triệu bảy trăm hai mươi nghìn) đồng theo số biên lai 0019170, ngày 14-5-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Nguyên đơn;
- Bị đơn;
- VKSND H. CT;
- THADS H. CT;
- VKSND tỉnh;
- TAND tỉnh;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

Nguyễn Quốc Hùng